TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024
"V/v tranh chấp Ly hôn
Và nuôi con chung "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hùng Em;

Bà Đặng Thị Nguyên Hồng.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Bảo Tâm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương- Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Thùy D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn G, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2024; biên bản hòa giải ngày 15/02/2024 và tại phiên tòa chị Ngô Thị Thùy D trình bày: Chị và anh G kết hôn với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh chị chung sống với nhau qua mai mối, không có tìm hiểu nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do anh G thường xuyên đi nhậu về chửi vợ và không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn G.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh G có hai người con chung là Trần Văn Minh N (sinh ngày 29/9/2010) và Trần Ngọc Gia B (sinh ngày 23/9/2016). Hiện nay, các con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu Gia B, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

+ Về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 15/02/2024 anh Trần Văn G trình bày: Thừa nhận anh và chị D quen biết nhau qua mai mối và kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo quy định. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau và ly thân với nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay, nguyên nhân là do vợ anh không thích anh nhậu nhẹt.

Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ, thương con, anh muốn vợ chồng hàn gắn lại để nuôi con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có sinh được hai người con chung là Trần Văn Minh N (sinh ngày 29/9/2010) và Trần Ngọc Gia B (sinh ngày 23/9/2016). Hiện nay, các con đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh tôn trọng ý kiến của con, nếu con sống với anh thì anh nuôi, nếu con sống với chị D thì anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng. Trường hợp anh nuôi con thì anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, cha mẹ anh có cho vợ chồng phần đất ruộng khoảng 10 công ở ấp Long An A, xã Phú Thành A hiện do chị D đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng anh trong vụ án này, mà vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát về tố tụng và đường lối giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm đối với vụ án trên.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thùy D đối với anh Trần Văn G (theo giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 30 tháng 8 năm 2011, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp).

Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn Minh N (sinh ngày 29/9/2010) và Trần Ngọc Gia B (sinh ngày 23/9/2016) cho chị D tiếp tục trong

nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh G không cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn G và tranh chấp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung". Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D với anh G là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cải nhau, dẫn đến anh, chị ly thân với nhau từ năm 2022. Từ khi anh, chị ly thân cho đến nay, cả hai không tìm cách hàn gắn, chung sống lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng anh chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng khi gặp nhau anh, chị lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh G là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh G có hai người con chung là Trần Văn Minh N (sinh ngày 29/9/2010) và Trần Ngọc Gia B (sinh ngày 23/9/2016). Hiện nay, các con đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị D và anh G ly thân nay, cháu N và cháu B do chị D nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị D vẫn đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Gia B và cháu Minh N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh G không cấp dưỡng nuôi con chung, do chị D không yêu cầu.

Anh G được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị D và anh G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị D và anh G trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thùy D đối với anh Trần Văn G (theo giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 30 tháng 8 năm 2011, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp).

Cho chị Ngô Thị Thùy D và anh Trần Văn G được ly hôn với nhau.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung của chị D với anh G tên Trần Văn Minh N (sinh ngày 29/9/2010) và Trần Ngọc Gia B (sinh ngày 23/9/2016) cho chị D chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh G được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Anh Trần Văn G không cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

2. Về án phí:

Chị Ngô Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004930 ngày 02/01/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã Mỹ Lộc;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Lê Hoàng Vũ